

Bản án số: 86/2023/DS-ST
Ngày: 03-8-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đào

2. Ông Nguyễn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 29-6-2022).

- Bị đơn: Chị Đỗ Thúy L, sinh năm 1993 (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Ngô Thanh T1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-6-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Quốc T trình bày:

Chị **H** và chị **L** là hàng xóm với nhau nên vào ngày 14-3-2022 dương lịch chị **H** có cho chị **L** mượn số tiền 40.000.000 đồng để trang trải cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, có làm giấy mượn tiền do chị **L** tự viết và ký tên, thời gian mượn 02 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng, đến hạn chị **L** không trả tiền gốc, tiền lãi cho chị **H** mà né tránh.

Do đó, nay chị **H** yêu cầu chị **L** trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 14-3-2022 (từ ngày mượn) cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 20%/năm.

Anh **T1** là chồng của chị **L**, số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên chị **H** yêu cầu anh **T1** có nghĩa vụ cùng chị **L** trả số tiền gốc và lãi nêu trên cho chị **H**.

*Bị đơn chị **Đỗ Thúy L** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Ngô Thanh T1** (chồng chị **L**):* Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ để thu thập chứng cứ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị **H**, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** đối với bị đơn chị **Đỗ Thúy L** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Ngô Thanh T1**. Chị **L** và anh **T1** có nghĩa vụ trả cho chị **H** số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 14-3-2022 cho đến ngày xét xử xong vụ án. Án phí tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt. Nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-6-2022, chị **H** yêu cầu chị **L** và anh **T1** trả

số tiền đã mượn là 40.000.000 đồng và tiền lãi với chứng cứ là giấy mượn tiền do chị **L** tự viết, ký tên nên quan hệ pháp luật được Tòa án thụ lý vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và **L**, anh **T1** hiện đang cư trú tại **ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh** nên Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền gốc của chị **H**:

Chị **H** yêu cầu chị **L** và anh **T1** trả số tiền đã vay là 40.000.000 đồng với chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 14-3-2022 do chị **L** tự viết nội dung và ký tên. Đối với chị **L** và anh **T1**, nhiều lần Tòa án triệu tập theo quy định để thu thập chứng cứ, nhằm bảo vệ quyền lợi cho anh chị nhưng vẫn không đến Tòa án, đã tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Mặt khác, qua xác minh người làm chứng thể hiện: Có chứng kiện việc chị **L** hỏi mượn tiền của chị **H** và chị **H** có đưa cho chị **L** mượn số tiền 40.000.000 đồng.

Do đó, lời trình bày của chị **H** phù hợp với lời khai người làm chứng và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định chị **L** có vay tiền của chị **H** và yêu cầu khởi kiện của chị **H** là đúng nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi của chị **H**: Xét thấy chị **L** đã vi phạm về nghĩa vụ của bên vay nên yêu cầu tính lãi của chị **H** là có căn cứ chấp nhận. Theo giấy mượn tiền ngày 14-3-2022 có thể hiện thời gian vay là 02 tháng, không thể hiện lãi suất cho vay nhưng theo chị **H** trình bày hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng nhưng nay chị **H** chỉ yêu cầu lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng).

Hội đồng xét xử xét thấy, chị **H** khai lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng nhưng không có chứng cứ để chứng minh, Tòa án không triệu tập được chị **L** và anh **T1** để làm rõ mức lãi suất cho vay. Do đó, yêu cầu tính với mức lãi suất 20%/năm của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận, mà mức lãi suất được áp dụng cho yêu cầu tính lãi của chị **H** được Hội đồng xét xử áp dụng là 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tiền lãi từ ngày 14-3-2022 dương lịch đến ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03-8-2023 dương lịch, được tính như sau:

$40.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 5.555.000 \text{ đồng}.$

Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc chị **L** có nghĩa vụ trả cho chị **H** số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 5.555.000 đồng, tổng cộng 45.555.000 đồng.

Tiền lãi kể từ ngày 04-8-2023 cho đến khi trả hết nợ được tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ của anh **T1**: Xét thấy số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mặc dù chị **L** một mình đứng ra vay tiền nhưng mục đích vay

tiền để trang trải cuộc sống trong gia đình. Nên Hội đồng xét xử cần buộc anh **T1** có nghĩa vụ cùng chị **L** trả cho chị **H** là phù hợp.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị **L** và anh **Tân T2** phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; các điều 27 và 30 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với Đỗ Thúy L và anh Ngô Thanh T1.

Buộc chị **Đỗ Thúy L** và anh **Ngô Thanh T1** có nghĩa vụ trả cho chị **Nguyễn Thị H** tổng số tiền là 45.555.000 (bốn mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn) đồng, trong đó tiền gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi 5.555.000 đồng.

Kể từ ngày 04-8-2023 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị **L** và anh **T1** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị **L** và anh **T1** phải chịu 2.278.000 (hai triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn) đồng tiền án phí.

Hoàn trả cho chị **H** 1.033.200 (một triệu không trăm ba mươi ba ngàn hai trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024799 ngày 20-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên